

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trường Tam

2. Bà Phan Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 489/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2019/QĐST-HN ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm: 1983.

- Bị đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Minh S trình bày: Anh và chị Trương Thị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Đôn, huyện Gò Dầu, có tổ chức tiệc cho hai bên gia đình quen biết nhau và cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn do vợ chồng bán chi phí trong gia đình. Con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Vợ chồng sống chung Nều năm mà không có con chung, đến khi chị N mang thai qua kiểm tra thăm khám kết quả thai ngoài tử cung phải xử lý không thể sinh được và Bác sĩ chuẩn đoán sau này không có khả năng sinh con, hơn nữa tình tình không hợp, có quá Nều khoảng cách trong suy nghĩ và đời sống. Từ đó chị N buồn bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong mấy năm đầu anh và chị N còn liên lạc, tuy Nều sau đó chị N cho rằng chị không thể sinh con,

anh nên cưới vợ khác và từ đó đến nay cả hai không liên lạc với nhau nữa, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, anh S Nều lần đi tìm nhưng không gặp được chị N, anh thấy chị N cố tình né tránh không cho anh gặp mặt cũng như không muốn hàn gắn gia đình. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Trương Thị N*: Chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S; con chung, không có; tài sản và nợ chung, anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trương Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và anh Nguyễn Minh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh S và chị Trương Thị N chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh S yêu cầu ly hôn, do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hơn nữa sống chung Nều năm mà không có con từ đó chị N buồn bỏ đi và anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy, chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ chị N không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau tìm cách hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh S và chị N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị N có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh S với chị Trương Thị N. Anh S được ly hôn với chị N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009365 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận anh S đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui